

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **353/2020/DS-ST**

Ngày: 11-9-2020

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Cẩm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Đung
2. Bà Nguyễn Thị Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Dương – *Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Trí Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 764/2019/TLST-DS ngày 16/12/2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 156/2020/QĐXXST-DS ngày 14/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 154/2020/QĐST-DS ngày 12/8/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ** (Tên viết tắt: **DAB**)

Trụ sở chính: 130 Phan Đăng Lưu, Phường T, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Võ Minh T**, sinh năm: 1967 – Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Ông Võ Minh T ủy quyền cho: Ông **Nguyễn Thanh T**, sinh năm: 1966 – Chức danh: Tổng giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Đ

(Quyết định ủy quyền số 122/QĐ-DAB-HHĐQT ngày 27/04/2016)

Ông Nguyễn Thanh T ủy quyền lại cho: Ông **Vũ Quang H**, sinh năm: 1988 – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh Quận 5 – Phòng giao dịch Bình Chánh. (Quyết định ủy quyền số 941/QĐ-DAB-PC ngày 16/8/2018)

Địa chỉ: C14/19 Quốc lộ 1A, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Ông H vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà **Trần Thị N**, sinh năm: 1981; Địa chỉ: 86A/4 ấp 1, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Bà N vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Đình T**, sinh năm: 1983; Địa chỉ: 86A/4 ấp 1, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 23/9/2019; đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 25/6/2020; các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ có người đại diện theo ủy quyền là ông Vũ Quang Hiếu trình bày:

Ngày 13/08/2015, Bà Trần Thị N có vay vốn tại Ngân hàng Đ – Phòng giao dịch Bình Chánh (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) với nội dung cụ thể như sau:

- Đợt vay số: 0131823001T15005
- Số tiền vay: 10.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười triệu đồng chẵn)
- Lãi suất: 10%/ năm
- Thời hạn vay: 12 tháng
- Mục đích vay: Buôn bán
- Ngày cho vay: 13/08/2015
- Ngày đáo hạn: 13/08/2016

Tổng số tiền bà N phải thanh toán tạm tính đến ngày 11/09/2020 là 5.757.368 đồng, trong đó:

- Vốn: 3.231.796 đồng;
- Lãi trong hạn: 128.204 đồng;
- Lãi quá hạn: 2.398.715 đồng.

Trong quá trình thực hiện giao dịch tín dụng, bà Trần Thị N - cùng chồng - Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Đình T (là người bảo lãnh theo Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ) đã không thực hiện đúng cam kết thanh toán nợ và lãi vay theo các điều khoản đã ký kết với Ngân hàng. Mặc dù, Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở, tạo điều kiện cho thanh toán nợ vay nhưng bà Trần Thị N và ông Nguyễn Đình T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Do đó, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Buộc bà Trần Thị N trả Nợ một lần cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ tổng số nợ còn Tắt (gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn, vốn) tính đến ngày 11/09/2020 là 5.758.715 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh từ ngày 12/09/2020 đến khi bà Trần Thị N hoàn tất nghĩa vụ nợ.

Trong trường hợp bà Trần Thị N không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ, ông Nguyễn Đình T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bà Trần Thị N đến khi bà N hoàn tất nghĩa vụ nợ.

- Bị đơn bà Trần Thị N vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án và không có bất kỳ văn bản nào phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án và không có bất kỳ văn bản nào phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; về án phí: Bà Trần Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn bà Trần Thị N. Đây là tranh chấp hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo kết quả trả lời xác minh của Công an xã An Phú Tây, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận “ Ông Nguyễn Đình T, sinh năm: 1983 và bà Trần Thị N, sinh năm: 1981 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại 86A/4 ấp 1, xã An Phú Tây, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện tại ông T, bà N đang cư trú tại địa chỉ trên”. Đây cũng là địa chỉ mà bà N và ông T cung cấp cho bên ngân hàng và ghi trên hợp đồng. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự:

- Đối với nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có ông Vũ Quang Hiếu có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông Hiếu theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với bị đơn cùng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cho bà Trần Thị N và ông Nguyễn Đình T nhưng bà N, ông T vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án nên Hội

đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà N, ông T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về áp dụng pháp luật: Do giao dịch giữa các đương sự xác lập vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005, Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 có hiệu lực nên Tòa án áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 và Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 để giải quyết vụ án.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy như sau: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ yêu cầu bị đơn bà Trần Thị N thanh toán một lần toàn bộ số nợ gốc, lãi tính đến ngày 11/9/2020 là 5.758.715 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh từ ngày 12/9/2020 đến khi bà N hoàn tất nghĩa vụ nợ tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ; Trong trường hợp bà Trần Thị N không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ, ông Nguyễn Đình T phải thực hiện trả nợ thay cho đến khi hoàn tất nghĩa vụ nợ vay tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

[6] Còn bị đơn bà Trần Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình T, mặc dù đã được Tòa án triệu tập đến để ghi nhận ý kiến, tiến hành thủ tục giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như việc tham gia phiên tòa xét xử giải quyết vụ án với nguyên đơn nhưng bà N, ông T vẫn vắng mặt. Vì vậy, bà N, ông T đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện cũng như tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp; tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập để làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án.

[7] Qua xem xét Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ lập ngày 10/6/2015 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và bà Trần Thị N là phù hợp theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ vào danh sách cho vay trả góp giải ngân qua tài khoản thẻ ngày 13/8/2015 có chữ ký xác nhận của bà Trần Thị N có cơ sở xác định bà N đã nhận số tiền 10.000.000 đồng từ Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

Căn cứ Bản sao kê hoạt động của khách hàng vay, lịch sử thanh toán và lời khai của nguyên đơn có cơ sở xác định trong thời gian từ ngày 13/8/2015 đến ngày 02/12/2016 bị đơn bà N đã thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng số tiền là 7.640.000 đồng (vốn gốc là 6.768.204 đồng, lãi là 871.796 đồng). Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên từ ngày 14/8/2016 nguyên đơn đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn Tieu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 11/9/2020 bị đơn còn nợ nguyên đơn nợ gốc còn lại là 3.231.796 đồng, lãi trong hạn là 128.204 đồng, lãi quá hạn là 2.398.715 đồng, tổng cộng là 5.758.715 đồng.

[8] Hội đồng xét xử xét thấy, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp số 0301442379; Giấy phép thành lập công ty số 135/GP-UB ngày 06/4/1992; Giấy phép hoạt động số 0009/NH-GP ngày 27/3/1992 thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ là tổ chức tín dụng, vì vậy theo quy định tại khoản 2 Điều 3 và khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: *“Tổ chức tín*

dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”.

Việc bị đơn ngưng trả tiền vốn và lãi hàng tháng cho nguyên đơn là đã vi phạm điều khoản thanh toán của của hợp đồng tín dụng. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn bà N trả số tiền gốc và lãi nêu trên là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại các Điều 91, 95, 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Do đó, từ những căn cứ đã viện dẫn, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn bà Trần Thị N, buộc bị đơn bà Trần Thị N có trách nhiệm thanh toán một lần cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số nợ gốc còn lại là 3.231.796 đồng, tiền lãi trong hạn, quá hạn của hợp đồng tín dụng tạm tính đến ngày 11/9/2020 là 2.526.919 đồng, tổng cộng số tiền bà N phải thanh toán là 5.758.715 đồng và tiền lãi phát sinh của số nợ gốc tính từ ngày 12/9/2020 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận trong Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ.

[9] Về yêu cầu buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình T thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bà N trong trường hợp bà N không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho đến khi hoàn tất nghĩa vụ vay với Ngân hàng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ, tại mục I.2 thông tin người bảo lãnh có ghi thông tin người đứng bảo lãnh cho khoản vay của bà Trần Thị N là ông Nguyễn Đình T, và tại mục IV phần cam kết của người bảo lãnh ông Nguyễn Đình T có ký xác nhận *“Tôi cam kết trong trường hợp bà Trần Thị N không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ hàng kỳ cho DoN Bank, tôi sẽ trả nợ thay cho người vay cho đến khi hết nợ vay tại DoN Bank”*

Căn cứ Điều 361, Điều 362, Điều 363, Điều 366 của Bộ luật dân sự năm 2005 thì trong trường hợp này ông Nguyễn Đình T sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bên có có nghĩa vụ (bà N) nếu trong trường hợp khi đến hạn thanh toán mà bà N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

[10] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn bà Trần Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng; nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[11] Xét lời đề nghị của đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 361, Điều 362, Điều 363, Điều 366, Điều 471 và Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 92, Điều 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ đối với bị đơn bà Trần Thị N về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc bà Trần Thị N có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 11/9/2020 là 5.758.715 đồng (Năm triệu bảy trăm năm mươi tám nghìn bảy trăm mười lăm đồng).

Các bên đương sự thực hiện việc giao nhận tiền tại cơ quan T hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày 12/9/2020 bà Trần Thị N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trong trường hợp bà Trần Thị N không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ nêu trên, ông Nguyễn Đình T có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thanh toán thay cho bà Trần Thị N.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn bà Trần Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

- Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2019/0079023 ngày 09/12/2019 của Chi cục T hành án dân sự huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được T hành theo quy định tại Điều 2 Luật T hành án dân sự thì người được T hành án dân sự, người phải T hành án dân sự có quyền thỏa thuận T hành án, quyền yêu cầu T hành án, tự nguyện T hành án hoặc bị cưỡng chế T hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật T hành án dân sự; thời hiệu T hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật T hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND H. Bình Chánh;
- Chi cục THADS H. Bình Chánh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trần Thị Hồng Cẩm